

BÁO CÁO VĨ MÔ

TĂNG TRƯỞNG TĂNG TỐC
ÁP LỰC GIÁ VÀ CHI PHÍ VỐN TĂNG

GDP Việt Nam tăng 9,01% trong 9 tháng, được hỗ trợ bởi công nghiệp và đầu tư; lạm phát cao cùng xu hướng tăng lãi suất quốc tế làm dư địa tiền tệ thu hẹp

THẾ GIỚI

VIỆT NAM

Hoạt động tiếp tục mở rộng, nhưng lạm phát khiến chính sách tiền tệ thắt chặt hơn

MỸ

PMI mở rộng, tuyển dụng chậm lại
Fed nâng lãi suất lên 3,75–4,00%

TRUNG QUỐC

PMI sản xuất trở lại trên 50
Bán lẻ tháng 8 chỉ tăng 0,4%

CHÂU ÂU

PMI tổng hợp tháng 9 đạt 53,1
Lạm phát 3,8%; ECB tăng lãi suất

NHẬT BẢN

Hoạt động mở rộng chậm hơn
BoJ nâng lãi suất lên 1,25%

Cầu toàn cầu vẫn hỗ trợ sản xuất, nhưng tín hiệu đơn hàng xuất khẩu Việt Nam yếu hơn. Fed, ECB và BoJ cùng tăng lãi suất trong tháng 9, tạo áp lực lên chi phí vốn và tỷ giá.

Tăng trưởng tăng tốc; cần theo dõi giá cả, chi phí vốn và chất lượng đơn hàng

GDP 9T/2026

+9,01%
quý III tăng 9,95%

SẢN XUẤT

PMI 51,9
IIP 9T tăng 12,3%

ĐẦU TƯ CÔNG

661,8
nghìn tỷ đồng, 59,9% kế hoạch

FDI

50,36
tỷ USD đăng ký 9T

Sản lượng công nghiệp và đầu tư tăng mạnh; tiêu dùng thực duy trì tăng 7,8%. Tháng 9 xuất siêu 1,27 tỷ USD nhưng nhập siêu 9 tháng còn 19,42 tỷ USD; CPI bình quân lên 4,52%.

4 TRỰC TÁC ĐỘNG

CẦU NGOÀI

PHÂN HÓA

PMI quốc tế trên 50; đơn hàng xuất khẩu Việt Nam giảm tháng thứ hai.

CHI PHÍ VỐN

TIÊU CỰC

Ba NHTW lớn tăng lãi suất; USD và CPI hạn chế dự địa giảm lãi suất.

ĐẦU TƯ CÔNG

TÍCH CỰC

Vốn NSNN thực hiện +19,0%, hỗ trợ xây dựng, vật liệu và vận tải.

FDI & CHUỖI CUNG ỨNG

TÍCH CỰC CHỌN LỌC

FDI giải ngân +12,1%; hiệu quả phụ thuộc triển khai và tỷ lệ nội địa hóa.

Động lực tăng trưởng mạnh hơn, song lợi ích với doanh nghiệp phụ thuộc vào đơn hàng, biên lợi nhuận và khả năng tiếp cận vốn.

Ưu tiên theo dõi bốn biến số trong quý IV gồm CPI, USD/VND, đơn hàng xuất khẩu và tiến độ vốn đầu tư.



NỘI DUNG CHI TIẾT

A. VĨ MÔ THẾ GIỚI

1. Mỹ
2. Trung Quốc
3. Châu Âu
4. Nhật Bản

B. VĨ MÔ VIỆT NAM

1. GDP
2. Lạm phát
3. Tỷ giá
4. Lãi suất
5. Thương mại
6. Sản xuất
7. Đầu tư công – du lịch – Bán lẻ
8. FDI



VĨ MÔ THẾ GIỚI

Mỹ giảm tốc tuyển dụng; Trung Quốc phục hồi sản xuất; châu Âu và Nhật Bản đối mặt áp lực chi phí

MỸ

1 Hoạt động vững, lao động chậm lại

GDP quý II tăng 2,2% theo năm hóa sau điều chỉnh; ISM tháng 9 đạt 54,5 ở sản xuất và 54,9 ở dịch vụ.

Việc làm tháng 9 chỉ tăng 29 nghìn, thất nghiệp lên 4,2%.

PCE tháng 8 tăng 3,4%; Fed nâng lãi suất 25 điểm cơ bản trong tháng 9.

TĂNG TRƯỞNG CÓ RÀNG BUỘC

TRUNG QUỐC

2 Sản xuất mở rộng, tiêu dùng yếu

PMI sản xuất chính thức tháng 9 lên 50,1; phi sản xuất tăng lên 50,2.

Xuất khẩu tháng 8 tăng 25,0%, nhập khẩu tăng 28,2% theo USD.

Bán lẻ tháng 8 chỉ tăng 0,4%; chênh lệch giữa sản xuất và cầu cuối cùng còn lớn.

PHỤC HỒI LỆCH PHA

CHÂU ÂU

3 PMI cải thiện, lạm phát tăng

GDP khu vực đồng euro quý II tăng 0,6% so quý trước và 1,2% so cùng kỳ.

PMI tổng hợp tháng 9 lên 53,1, mở rộng ở cả sản xuất và dịch vụ.

Lạm phát sơ bộ tháng 9 lên 3,8%; ECB tăng lãi suất tiền gửi lên 2,50%.

PHỤC HỒI ĐI CÙNG ÁP LỰC GIÁ

NHẬT BẢN

4 Phục hồi chậm, BoJ tăng lãi suất

PMI tổng hợp tháng 9 giảm còn 52,3, dịch vụ còn 51,3 nhưng vẫn trên 50.

Bán lẻ tháng 8 tăng 2,7%; PPI tăng 7,6% cho thấy áp lực chi phí còn lớn.

BoJ nâng lãi suất lên 1,25% ngày 18/9, tiếp tục bình thường hóa theo dữ liệu.

PHỤC HỒI TRONG CHU KỲ SIẾT VỐN

Mỹ giảm tốc tuyển dụng

Trung Quốc phục hồi lệch pha

Euro chịu áp lực giá

Nhật Bản tăng lãi suất

Hoạt động toàn cầu vẫn trong vùng mở rộng, nhưng đà phục hồi không đồng đều và chưa loại bỏ được rủi ro lạm phát.

Lãi suất quốc tế cao hơn làm tăng yêu cầu kiểm soát tỷ giá, chi phí vốn và biên lợi nhuận; tác động tới Việt Nam phân hóa theo từng ngành.

ISM tháng 9 vẫn trên 50; việc làm chỉ tăng 29 nghìn trong khi Fed đã nâng lãi suất

TĂNG TRƯỞNG

01 Sản xuất và dịch vụ tiếp tục mở rộng, nhưng nhịp tăng thấp hơn tháng 8

2,2% GDP quý 2/2026 năm hóa, đã điều chỉnh	54,5 ISM sản xuất T9 so với 54,6 tháng 8
54,9 ISM dịch vụ T9 so với 55,4 tháng 8	59,8 Đơn hàng dịch vụ so với 60,9 tháng 8

- PMI và đơn hàng dịch vụ còn trên 50, hỗ trợ triển vọng tăng trưởng ngắn hạn.
- GDP quý II được nâng từ 1,5% lên 2,2%; vẫn thấp hơn quý I đã sửa lên 2,5%.

HOẠT ĐỘNG CÒN VỮNG NHƯNG ĐỘNG LỰC KHÔNG TĂNG ĐỒNG ĐỀU

LẠM PHÁT

02 Lạm phát còn cao khiến Fed tăng lãi suất dù thị trường lao động chậm lại

+3,4% PCE tháng 8 so với cùng kỳ	+3,0% PCE lõi tháng 8 so với cùng kỳ
3,75–4,00% Lãi suất Fed tăng 25 điểm cơ bản	74,0 Giá dịch vụ ISM tháng 9; tháng 8 là 72,6

- Fed tăng lãi suất ngày 16/9 với quyết định nhất trí 12–0.
- Chi phí dịch vụ còn tăng mạnh; dữ liệu chưa củng cố kịch bản giảm lãi suất sớm.

LẠM PHÁT GIỚI HẠN KHẢ NĂNG HỖ TRỢ TĂNG TRƯỞNG

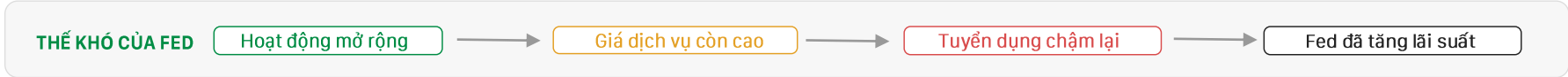
LAO ĐỘNG

03 Tuyển dụng yếu đi rõ rệt, trong khi tiêu dùng còn hỗ trợ tăng trưởng

+29 nghìn Việc làm tháng 9 T8 sửa còn +133 nghìn	4,2% Thất nghiệp tháng 8 là 4,1%
+3,0% Thu nhập giờ so với cùng kỳ	4,1% Tỷ lệ tiết kiệm thu nhập khả dụng T8

- Việc làm phi nông nghiệp tăng chậm; thất nghiệp nhích lên báo hiệu cầu lao động nguội đi.
- Chỉ tiêu thực tháng 8 tăng 0,6% theo tháng, song tiết kiệm thấp làm dẽm tiêu dùng mỏng hơn.

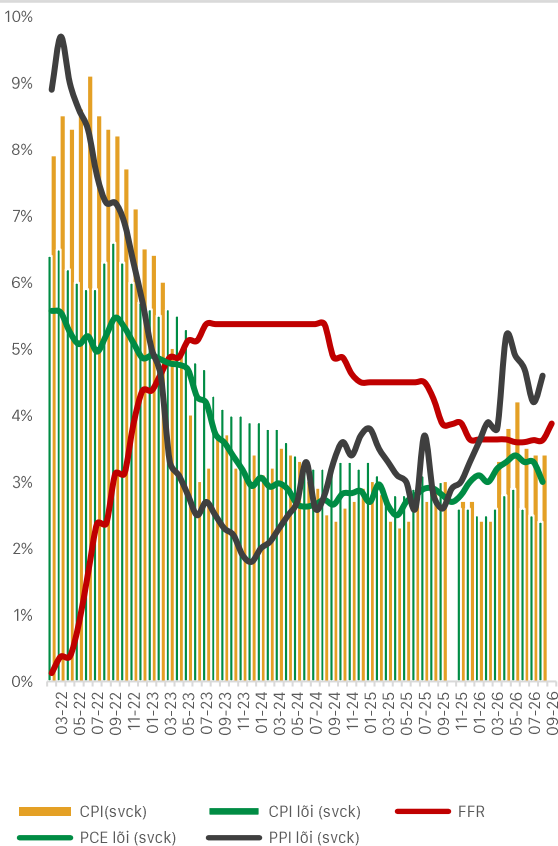
LAO ĐỘNG YẾU ĐI LÀ RỦI RO ĐỐI VỚI CẦU TIÊU DÙNG



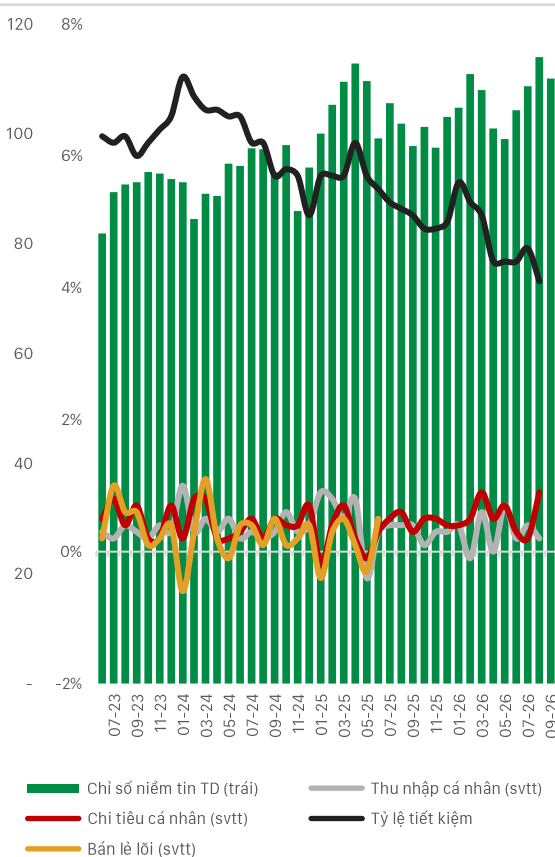
Kịch bản phân tích là tăng trưởng tiếp tục nhưng phân hóa; tiêu dùng và dịch vụ hỗ trợ hoạt động trong khi thị trường lao động giảm tốc.

Dư địa giảm lãi suất còn hạn chế. Rủi ro đối với Việt Nam đến từ chi phí USD cao hơn và sức mua Mỹ suy yếu nếu tuyển dụng tiếp tục chậm.

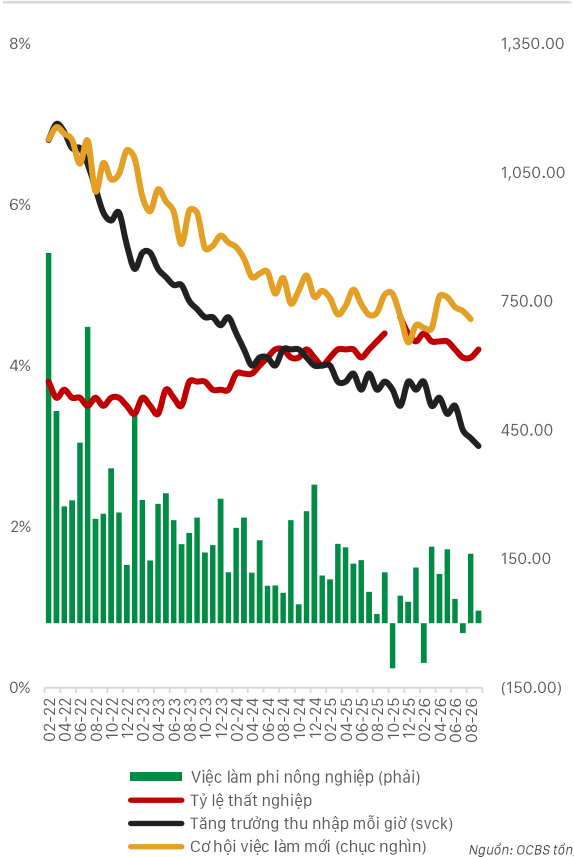
Lạm phát còn cao khiến Fed tăng lãi suất dù thị trường lao động chậm lại



Sản xuất và dịch vụ tiếp tục mở rộng, nhưng nhịp tăng thấp hơn tháng 8



Tuyến dựng yếu đi rõ rệt, trong khi tiêu dùng còn hỗ trợ tăng trưởng



PMI tháng 9 vượt 50; thương mại tháng 8 tăng mạnh trong khi bán lẻ chỉ nhích 0,4%

TĂNG TRƯỞNG

XUẤT KHẨU

CẦU NỘI ĐỊA

01

PMI chính thức trở lại mở rộng ở cả sản xuất và phi sản xuất

4,3%

GDP quý 2/2026

so với cùng kỳ

50,1

PMI sản xuất T9

so với 49,8 tháng 8

50,5

Đơn hàng mới

vẫn trên ngưỡng 50

50,2

PMI phi sản xuất

so với 49,0 tháng 8

- Sản xuất tháng 9 đạt 51,7 điểm; sự phục hồi đã mở rộng hơn so với tháng 8.
- Mức vượt 50 còn mỏng; tín hiệu khảo sát chưa chứng minh cầu nội địa phục hồi bền vững.

HOẠT ĐỘNG CẢI THIỆN NHƯNG CẦN THÊM XÁC NHẬN TỪ CẦU

02

Xuất khẩu và nhập khẩu duy trì tăng mạnh, hỗ trợ sản xuất và chuỗi cung ứng

+25,0%

Xuất khẩu tháng 8

so với cùng kỳ, theo USD

+28,2%

Nhập khẩu tháng 8

so với cùng kỳ, theo USD

51,7

Sản lượng PMI T9

trên ngưỡng 50

AI - điện tử

Động lực chính công nghệ cao tiếp tục dẫn dắt

- Xuất khẩu là trụ đỡ khi bán lẻ chậm; nhu cầu công nghệ hỗ trợ chuỗi sản xuất.
- Nhập khẩu tăng nhanh phản ánh cầu đầu vào; không đồng nghĩa tiêu dùng hộ gia đình tăng mạnh.

CẦU NGOÀI HỖ TRỢ SẢN XUẤT NHƯNG LÀM TĂNG ĐỘ PHỤ THUỘC

03

Sức mua tăng chậm trong khi giá sản xuất cao hơn giá tiêu dùng

+0,8%

CPI tháng 8

so với cùng kỳ

+3,8%

PPI tháng 8

áp lực giá đầu vào tăng

+0,4%

Bán lẻ tháng 8

so với cùng kỳ

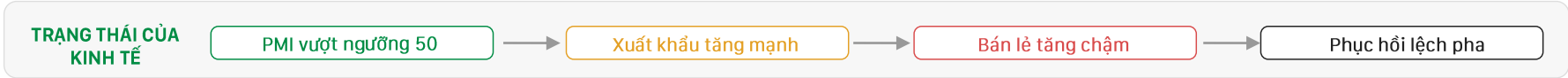
+5,2%

Công nghiệp T8

so với cùng kỳ

- Bán lẻ chỉ tăng 0,4%, thấp hơn nhiều so với sản xuất công nghiệp 5,2%.
- PPI tăng 3,8% trong khi CPI chỉ tăng 0,8%, tạo rủi ro biên lợi nhuận ở các ngành khó tăng giá.

SỨC MUA HỘ GIA ĐÌNH VẪN LÀ ĐIỂM YẾU CỦA PHỤC HỒI

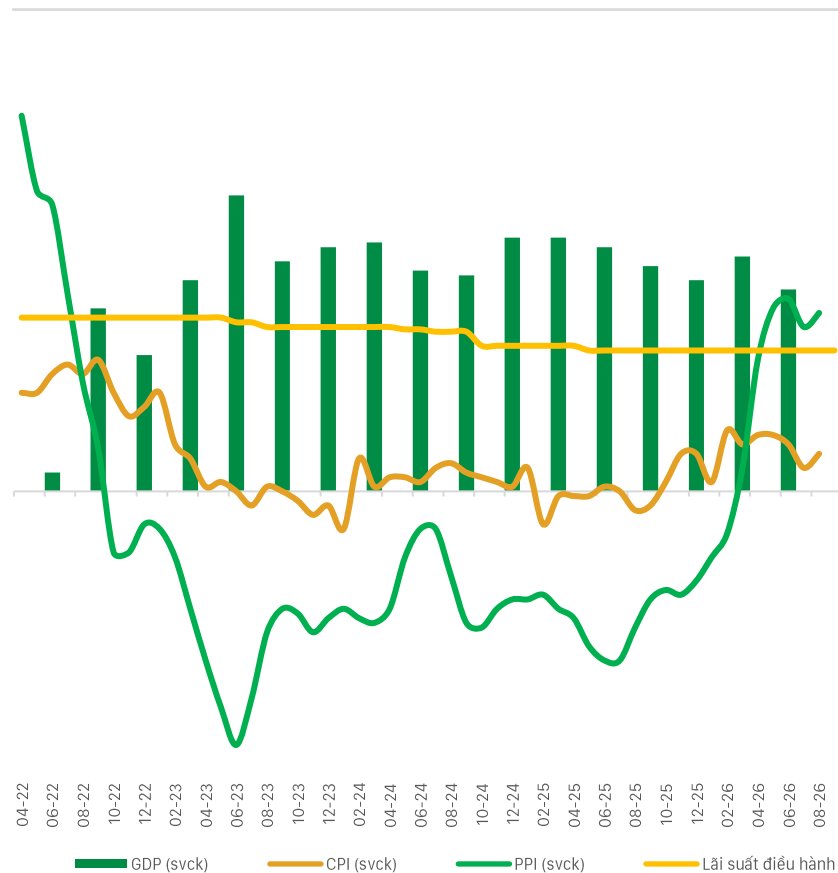


Trung Quốc bước vào cuối quý III với hoạt động sản xuất tốt hơn; tiêu dùng yếu khiến xuất khẩu và đầu tư tiếp tục gánh phần lớn động lực tăng trưởng. Triển vọng phụ thuộc khả năng cải thiện thu nhập và niềm tin. Với Việt Nam, cầu đầu vào tích cực đi cùng cạnh tranh hàng xuất khẩu và áp lực giá nhập khẩu.

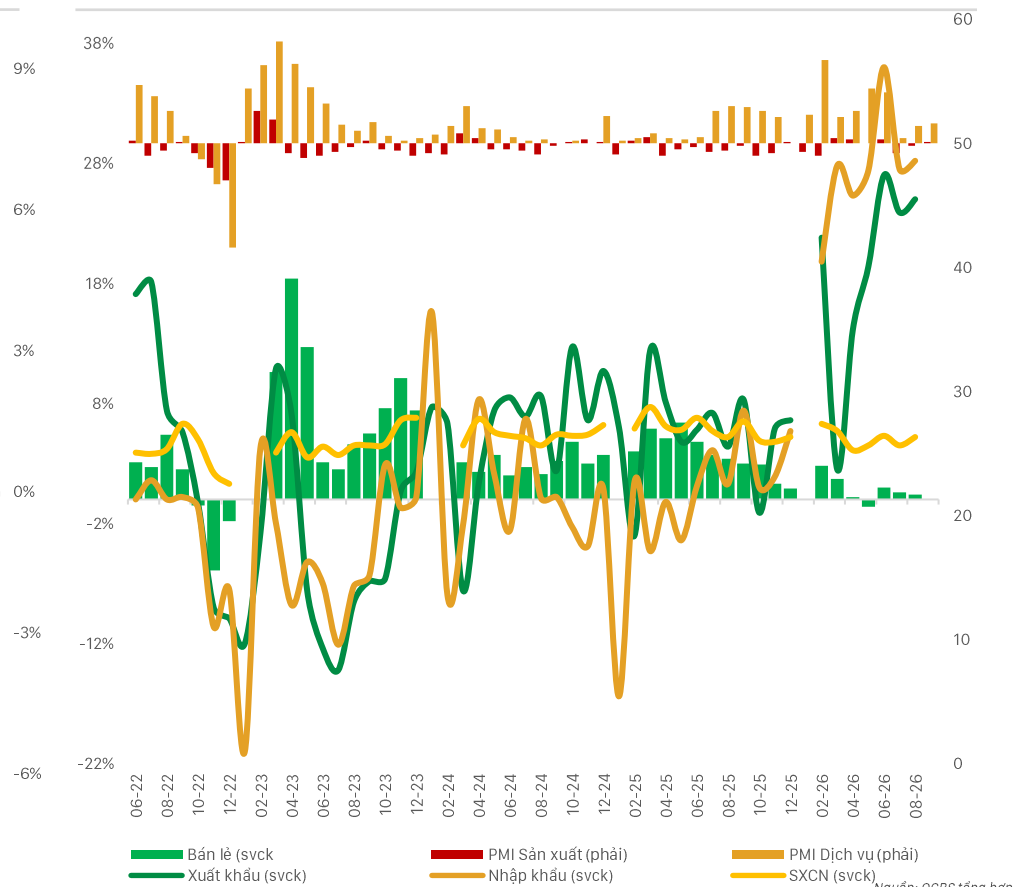
TRUNG QUỐC PHỤC HỒI SẢN XUẤT NHƯNG TIÊU DÙNG CÒN YẾU (2/2)



PMI chính thức trở lại mở rộng ở cả sản xuất và phi sản xuất



Xuất khẩu và nhập khẩu duy trì tăng mạnh, hỗ trợ sản xuất và chuỗi cung ứng



Nguồn: OCBS tổng hợp

KHU VỰC ĐỒNG EURO PHỤC HỒI TRONG BỐI CẢNH LẠM PHÁT TĂNG (1/2)



PMI tổng hợp tháng 9 lên 53,1; HICP sơ bộ tăng 3,8% và ECB đã nâng lãi suất

TĂNG TRƯỞNG

01

GDP quý II xác nhận tăng trưởng dương ở khu vực đồng euro và toàn EU

+0,6%

GDP khu vực đồng EURO Q2/2026

so với quý trước

+1,2%

GDP khu vực đồng EURO

so với cùng kỳ

+0,7%

GDP toàn EU

so với quý trước

+1,4%

GDP toàn EU

so với cùng kỳ

● GDP euro tăng 0,6% theo quý, cho thấy hoạt động phục hồi rõ hơn ước tính trước.

● Tốc độ tăng 1,2% theo năm còn vừa phải; sức bền của cầu vẫn cần được theo dõi.

GDP PHỤC HỒI NHƯNG TĂNG TRƯỞNG CHƯA Ở MỨC CAO

HOẠT ĐỘNG

02

PMI tháng 9 tăng ở cả sản xuất và dịch vụ, hỗ trợ triển vọng quý III

53,1

PMI tổng hợp T9

so với 52,1 tháng 8

52,9

PMI sản xuất T9

trên ngưỡng mở rộng

53,0

PMI dịch vụ T9

trên ngưỡng mở rộng

Hai khu vực

Phạm vi phục hồi sản xuất và dịch vụ

● Các chỉ số PMI cùng trên 50, cho thấy hoạt động kinh doanh mở rộng theo tháng.

● Dữ liệu khảo sát ủng hộ tăng trưởng quý III nhưng không thay thế số GDP chính thức.

ĐÀ MỞ RỘNG LAN RỘNG HƠN GIỮA CÁC NGÀNH

LẠM PHÁT

03

Lạm phát năng lượng tăng nhanh khiến ECB nâng lãi suất trong tháng 9

3,8%

HICP sơ bộ T9

tháng 8 chính thức 3,2%

+18,8%

Năng lượng

tháng 9, so cùng kỳ

2,50%

Lãi suất tiền gửi ECB

tăng 25 điểm cơ bản

2,65%

Tái cấp vốn

hiệu lực từ ngày 16/9

● HICP lõi tháng 9 ở 2,5%; năng lượng tăng 18,8% là áp lực nổi bật lên giá chung.

● ECB tăng lãi suất ngày 10/9 và tiếp tục quyết định theo từng cuộc họp, tùy dữ liệu.

CHI PHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ LÃI SUẤT HẠN CHẾ ĐÀ PHỤC HỒI

TRẠNG THÁI PHỤC HỒI

GDP tăng 0,6% theo quý

PMI tổng hợp 53,1

HICP lên 3,8%

ECB tăng lãi suất

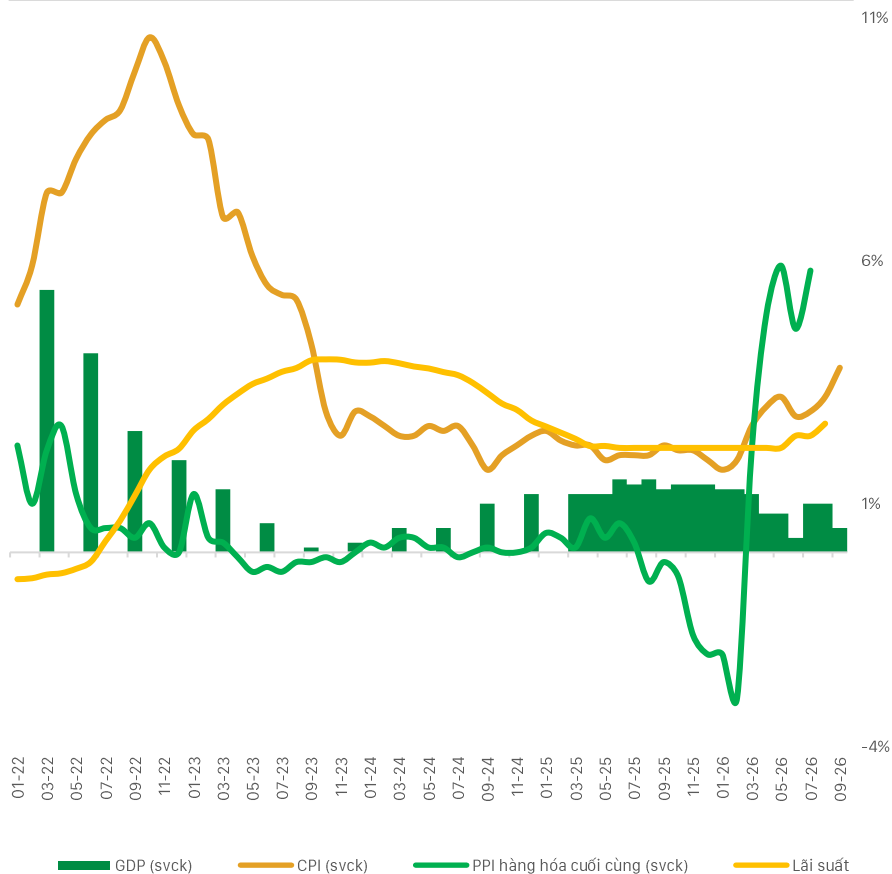
Triển vọng tăng trưởng euro tích cực hơn nhờ PMI cải thiện, nhưng lạm phát và chi phí tài trợ cao tiếp tục là ràng buộc với cầu cuối cùng.

Với Việt Nam, xuất khẩu sang châu Âu có cơ hội từ phục hồi hoạt động; sức mua và biên lợi nhuận vẫn chịu rủi ro từ giá năng lượng và lãi suất.

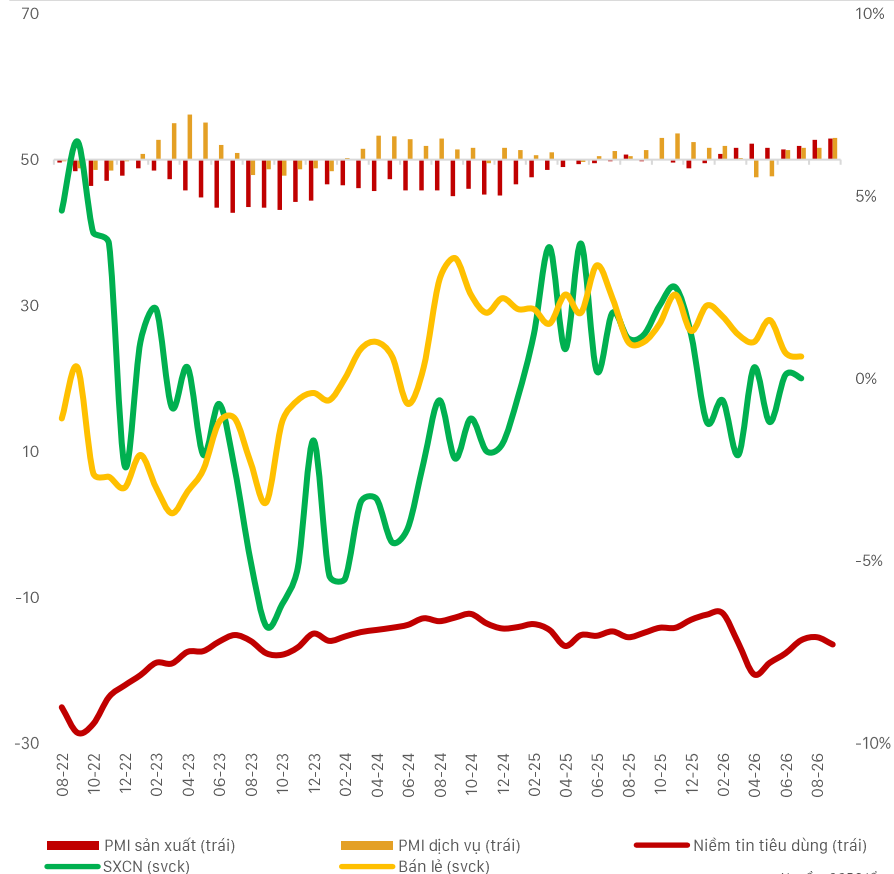
Nguồn: Eurostat, ECB, S&P Global; World Data 091026 | HICP tháng 9 sơ bộ; GDP quý II; PMI tháng 9/2026

KHU VỰC ĐỒNG EURO PHỤC HỒI TRONG BỐI CẢNH LẠM PHÁT TĂNG (2/2)

Lạm phát năng lượng tăng nhanh khiến ECB nâng lãi suất trong tháng 9



PMI tháng 9 tăng ở cả sản xuất và dịch vụ, hỗ trợ triển vọng quý III



PMI tháng 9 hạ nhiệt nhưng còn mở rộng; BoJ nâng lãi suất lên 1,25% trong tháng 9

SẢN XUẤT

TIÊU DÙNG

BOJ

01 Hoạt động tiếp tục mở rộng với nhịp chậm hơn; thương mại vẫn tăng hai chữ số

52,3

PMI tổng hợp T9
so với 53,5 tháng 8

+19,3%

Xuất khẩu tháng 8
so với cùng kỳ

+28,0%

Nhập khẩu tháng 8
so với cùng kỳ

51,3

PMI dịch vụ T9
so với 52,5 tháng 8

- PMI trên 50 xác nhận mở rộng nhưng giảm điểm cho thấy tốc độ tăng đã chậm lại.
- Nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu; chi phí đầu vào còn gây áp lực cho doanh nghiệp.

ĐÀ PHỤC HỒI DUY TRÌ NHƯNG KHÔNG ĐỒNG ĐỀU

02 Cầu nội địa tăng vừa phải trong khi áp lực giá đầu vào còn lớn

+2,7%

Bán lẻ tháng 8
so với cùng kỳ

+1,9%

CPI tháng 8
so với cùng kỳ

+7,6%

PPI tháng 8
so với cùng kỳ

Thận trọng

Niềm tin tiêu dùng
theo đánh giá của BoJ

- BoJ đánh giá thu nhập cải thiện hỗ trợ tiêu dùng, song tâm lý hộ gia đình còn thận trọng.
- PPI cao hơn CPI cho thấy áp lực chi phí; khả năng chuyển giá quyết định biên lợi nhuận.

TIÊU DÙNG HỖ TRỢ TĂNG TRƯỞNG NHƯNG CHỊU RÀNG BỘC CHI PHÍ

03 BoJ đã tăng lãi suất và duy trì định hướng bình thường hóa theo điều kiện

1,25%

Lãi suất BoJ
hiệu lực từ ngày 24/9

+25 đcb

Mức tăng tháng 9
quyết định ngày 18/9

7–2

Kết quả biểu quyết
ủng hộ tăng lãi suất

Yên yếu

Rủi ro lạm phát
tăng truyền dẫn chi phí

- BoJ nhận định lạm phát nền dẫn hướng về 2% và nền kinh tế tiếp tục phục hồi vừa phải.
- Hướng điều hành nghiêng về tăng lãi suất thêm nếu triển vọng diễn biến phù hợp; tốc độ chưa cố định.

LÃI SUẤT TĂNG NHƯNG NHỊP ĐIỀU CHỈNH PHỤ THUỘC DỮ LIỆU

TRẠNG THÁI
PHỤC HỒI

PMI còn trên 50

Cầu nội địa vừa phải

PPI tăng 7,6%

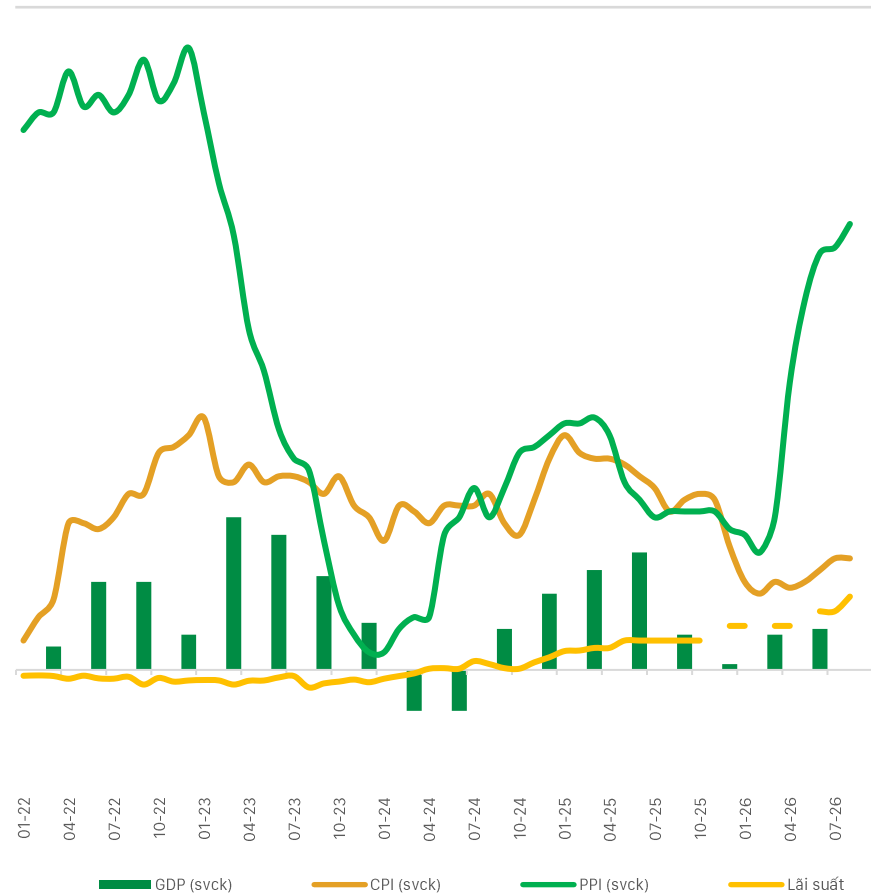
BoJ nâng lên 1,25%

Nhật Bản tiếp tục phục hồi, nhưng PMI hạ nhiệt và chi phí đầu vào cao cho thấy tăng trưởng chưa vững trên mọi khu vực.

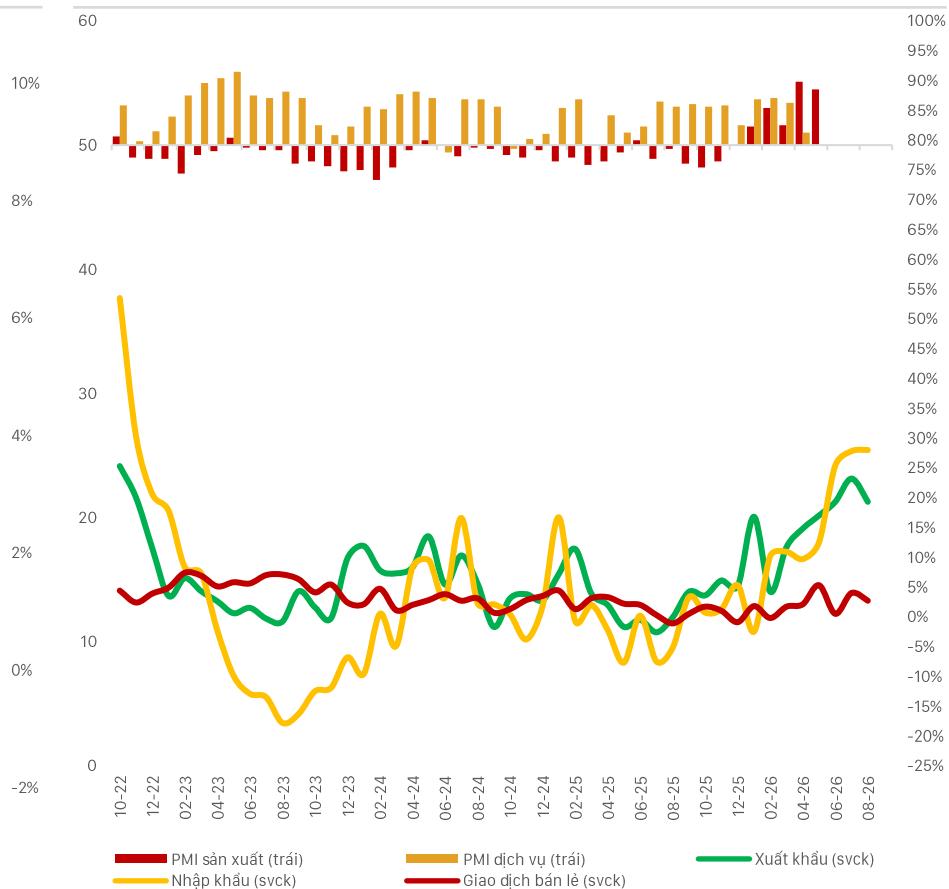
Kịch bản phân tích là bình thường hóa tiền tệ từng bước. Biến động JPY và chi phí vốn có thể ảnh hưởng dòng đầu tư, thương mại và doanh nghiệp vay bằng ngoại tệ.

NHẬT BẢN PHỤC HỒI CHẬM TRONG CHU KỲ TĂNG LÃI SUẤT (2/2)

BoJ đã tăng lãi suất và duy trì định hướng bình thường hóa theo điều kiện



Hoạt động tiếp tục mở rộng với nhịp chậm hơn; thương mại vẫn tăng hai chữ số



An aerial night view of the Ho Chi Minh City skyline. The city is illuminated with various lights, and the Saigon River is visible in the foreground. A prominent building in the center-right of the image displays the Vietnamese flag (red field with a large yellow five-pointed star) on its facade. The text "VĨ MÔ VIỆT NAM" is overlaid on a green banner across the middle of the image.

VĨ MÔ VIỆT NAM

TĂNG TRƯỞNG VIỆT NAM TĂNG TỐC NHƯNG DƯ ỊA TIỀN TỆ THU HỢP



GDP quý III tăng 9,95%; đầu tư và sản xuất dẫn dắt trong khi CPI cùng nhu cầu vốn tiếp tục tăng

TĂNG TRƯỞNG

CẦU NỘI ĐỊA & ĐẦU TƯ

CÂN BẰNG VĨ MÔ

1 GDP & cấu trúc tăng trưởng

+9,01% **+9,95%**

GDP 9T/2026

GDP quý III

Công nghiệp – xây dựng tăng 11,21%; dịch vụ tăng 8,69%.

2 Sản xuất công nghiệp

51,9 **+12,3%**

PMI tháng 9

IIP 9 tháng

PMI trên 50 tháng thứ 15 nhưng đơn hàng xuất khẩu giảm tiếp.

3 Tiêu dùng & du lịch

17,7 triệu **+7,8%**

khách quốc tế 9T

bán lẻ thực

Bán lẻ danh nghĩa tăng 13,4%; khách quốc tế tăng 14,5%.

4 Đầu tư & FDI

661,8 **21,07**

nghìn tỷ đồng NSNN 9T

tỷ USD FDI thực hiện

Vốn NSNN thực hiện tăng 19,0%; FDI giải ngân tăng 12,1%.

5 Lạm phát & tín dụng

+4,52% **+10,89%**

CPI bình quân 9T

tín dụng đến 28/9

Huy động tăng 9,78%; tín dụng tăng nhanh hơn 1,11 điểm %.

6 Đối ngoại & tiền tệ

-19,42 **26.170**

tỷ USD cán cân 9T

VND/USD VCB bán 7/10

Tháng 9 xuất siêu 1,27 tỷ USD; nhập siêu lũy kế vẫn lớn.

KỊCH BẢN

GDP khoảng 9,3–9,9% nếu quý IV tăng 10–12%

CPI bình quân khoảng 4,6–4,8% nếu áp lực giá còn cao

Tăng trưởng cần đi cùng kiểm soát tỷ giá và chất lượng tín dụng

Đầu tư và sản lượng thực là hai động lực nổi bật của quý III; cầu tiêu dùng duy trì tăng trưởng nhưng tín hiệu đơn hàng xuất khẩu đã thận trọng hơn.

GDP QUÝ III TĂNG TỐC NHƯNG TĂNG TRƯỞNG HAI CHỮ SỐ CẢ NĂM CÒN THÁCH THỨC



GDP 9 tháng tăng 9,01%; riêng quý III tăng 9,95%. Số liệu cập nhật điều chỉnh tăng trưởng quý I lên 8,15%, quý II lên 8,81% và 6 tháng lên 8,49%. Quán tính tăng trưởng đã mạnh hơn, nhưng số quý III cần được đặt trong cơ cấu cả năm khi đánh giá khả năng đạt hai chữ số.

Công nghiệp và xây dựng dẫn dắt. Giá trị tăng thêm khu vực này tăng 11,21%, đóng góp 49,62% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế; dịch vụ tăng 8,69%, đóng góp 45,03%. Chế biến, chế tạo tăng 11,36% và xây dựng tăng 12,22%, phản ánh sự mở rộng của năng lực sản xuất và đầu tư hạ tầng.

Đầu tư tăng nhanh hơn tiêu dùng. Tích lũy tài sản 9 tháng tăng 17,88%, so với tiêu dùng cuối cùng tăng 8,51%. Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ theo giá so sánh tăng 21,29%, trong khi nhập khẩu tăng 27,19%. Đầu vào nhập khẩu tạo tiền đề cho sản xuất nhưng cần chuyển hóa thành sản lượng và doanh thu để hạn chế sức ép cán cân đối ngoại.

Kịch bản cả năm phụ thuộc mạnh vào quý IV. Minh họa với tỷ trọng quý IV bằng khoảng 30% GDP năm trước, quý IV tăng 10%, 11% hoặc 12% sẽ tương ứng tăng trưởng cả năm khoảng 9,3%, 9,6% hoặc 9,9%. Để cả năm đạt 10%, quý IV cần tăng khoảng 12,3% theo cùng giả định.

Triển vọng được hỗ trợ bởi vốn NSNN thực hiện tăng 19,0%, FDI giải ngân tăng 12,1% và bán lẻ thực tăng 7,8%. Điều kiện để duy trì đà tăng là giải ngân đúng tiến độ, công suất mới đi vào hoạt động và đơn hàng xuất khẩu ổn định. PMI tháng 9 hạ về 51,9 cùng lạm phát tăng cho thấy cần theo dõi chất lượng tăng trưởng, thay vì chỉ ngoại suy tốc độ quý III.

Gdp quý iii tăng tốc nhưng tăng trưởng hai chữ số cả năm còn thách thức



CPI TĂNG NHANH HƠN VÀ THU HẸP DƯ ĐỊA NƠI LÒNG TIỀN TỆ



CPI tháng 9 tăng 5,08% cùng kỳ; tín dụng tăng nhanh hơn huy động tại thời điểm 28/9

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

Năng lượng đẩy CPI tăng; lạm phát cơ bản còn cao

CPI tháng 9/2026

+0,62% **+5,08%**

so với T8
so với cùng kỳ
Giá xăng tăng 9,39% so với tháng trước.

CPI bình quân & lãi

+4,52% **+4,26%**

CPI bình quân 9T
CPI lãi 9T
Lạm phát nền còn cao, hạn chế nới lỏng.

Đóng góp giao thông

+3,97% **+0,40đpt**

giao thông m/m
đóng góp CPI
Xăng +9,39%; diesel +4,53% m/m.

Tín dụng và huy động 28/9

+10,89% **+9,78%**

tín dụng
huy động
Điều chỉnh so với cuối năm 2025.

Áp lực giá lan sang điều hành vốn. CPI bình quân lên 4,52% trong khi chênh lệch tăng tín dụng và huy động là 1,11 điểm %, làm giảm dư địa hạ lãi suất.

KỊCH BẢN 2026

Kịch bản giá phụ thuộc diễn biến năng lượng trong quý IV

CPI bình quân 2026

4,6—4,8%

Ước tính nếu CPI bình quân quý IV tăng khoảng 4,8—5,6% cùng kỳ.

Lạm phát nền

Còn cao

CPI lãi tháng 9 tăng 4,45% cùng kỳ; dư địa giảm lãi suất hạn chế.

Các biến số cần theo dõi trong quý IV

- Nhiên liệu và chi phí vận tải có thể tiếp tục truyền dẫn vào giá hàng hóa, dịch vụ.
- Cầu mùa cao điểm và giá dịch vụ có thể khiến CPI bình quân khó giảm nhanh.

Ưu tiên

Ổn định giá và chất lượng tín dụng

Tăng trưởng tín dụng cần đi cùng nguồn vốn huy động bền vững; tránh suy diễn mục tiêu từ số liệu lũy kế.

Áp lực năng lượng

Lạm phát lãi còn cao

Tín dụng nhanh hơn huy động

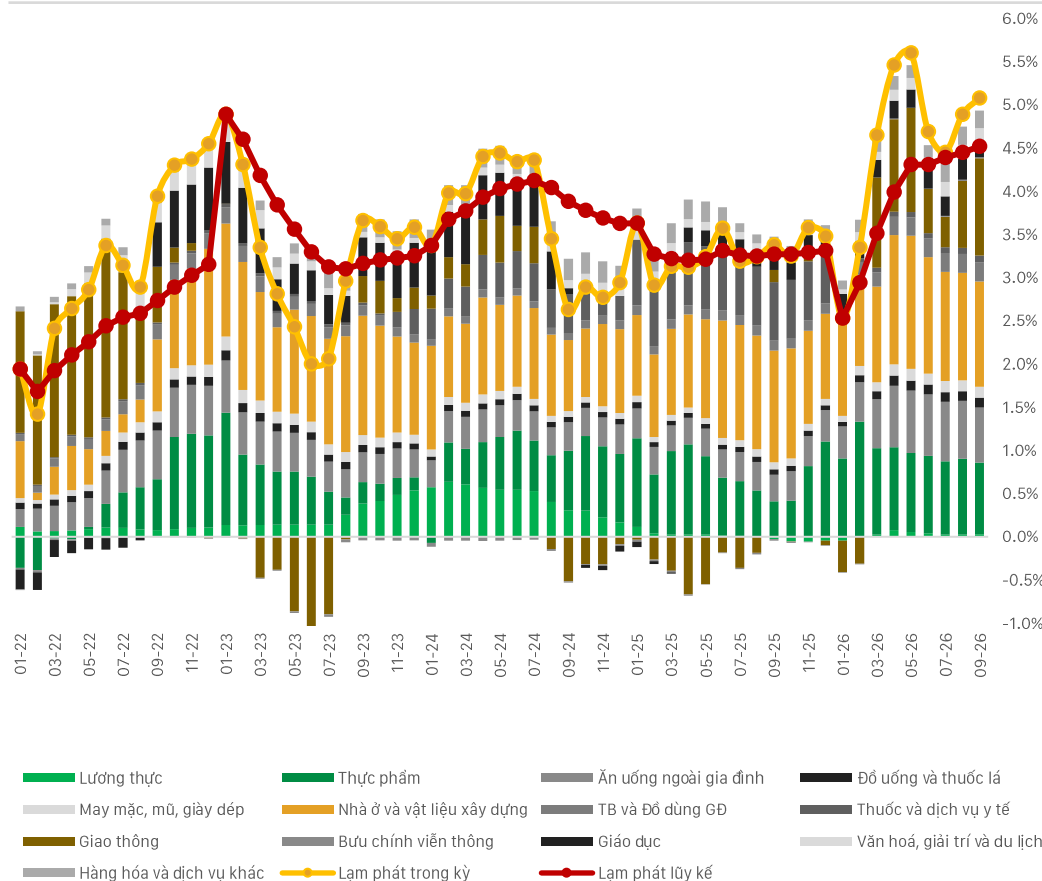
Ổn định vĩ mô

Lạm phát tháng 9 tăng nhanh hơn cho thấy ràng buộc giá cả đã rõ hơn, dù nền tảng sản xuất và đầu tư vẫn tích cực.

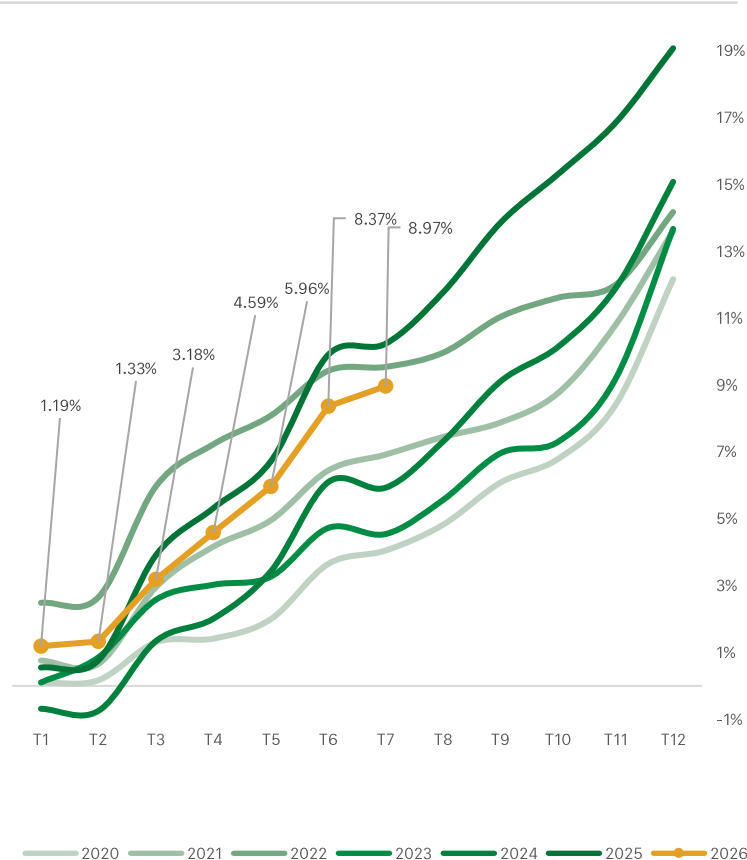
Ước tính CPI 4,6—4,8% là kịch bản phân tích có điều kiện. Chính sách tiền tệ nhiều khả năng ưu tiên ổn định thanh khoản và tỷ giá, với hỗ trợ có chọn lọc.

CPI TĂNG NHANH HƠN VÀ THU HẸP DƯ ĐỊA NỖI LÒNG TIỀN TỆ

Năng lượng đẩy CPI tăng; lạm phát cơ bản còn cao



Tăng trưởng tín dụng: tốc độ hiện tại tương đối phù hợp để đạt 15–16% cho cả năm



TÍN DỤNG TĂNG NHANH VÀ TỶ GIÁ CÒN RÀNG BUỘC (1/3)



OMO lưu hành giảm sau tháng 8; chênh lệch vốn và lãi suất quốc tế hạn chế khả năng giảm lãi suất

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

Tín dụng vượt nhịp huy động; lượng OMO còn lưu hành giảm nhưng vẫn hỗ trợ vốn

OMO cuối tháng 9
150,5
nghìn tỷ đồng

OMO ngày 6/10
103,4
nghìn tỷ đồng

Huy động đến 28/9
+9,78%
so với cuối năm 2025

Tín dụng đến 28/9
+10,89%
so với cuối năm 2025

OMO ròng tháng 9
-82,3
nghìn tỷ đồng, hút ròng

Tiền gửi 13 tháng
5,86–6,07%
QD/CP lớn ngày 6/10

USD/VND chưa giảm rõ; nhu cầu ngoại tệ nhập khẩu và USD quốc tế vẫn cao

VCB ngày 7/10 mua/bán 25.760–26.170 VND/USD. DXY ngày 8/10 ở 102,14; nhập siêu 9 tháng 19,42 tỷ USD.

TRIỂN VỌNG QUÝ IV

Điều hành linh hoạt nhưng dư địa giảm lãi suất còn hạn chế

THANH KHOẢN
phân hóa

Tín dụng tăng nhanh hơn huy động; OMO giúp điều tiết vốn ngắn hạn.

LÃI SUẤT

khó giảm mạnh

CPI 9 tháng ở 4,52% và nhu cầu vốn cao hạn chế khả năng giảm lãi suất.

TỶ GIÁ
còn áp lực

USD mạnh hơn và nhập siêu lớn gây sức ép; FDI giải ngân là nguồn cung ngoại tệ hỗ trợ.

CHÍNH SÁCH
linh hoạt

Tiếp tục theo dõi OMO, lãi suất liên ngân hàng và chênh lệch huy động – tín dụng.

OMO giảm 82,3 nghìn tỷ trong tháng 9; cần kết hợp lãi suất liên ngân hàng để đánh giá thanh khoản.

Chênh lệch vốn tăng

Lãi suất khó giảm mạnh

USD/VND còn áp lực

Chính sách linh hoạt

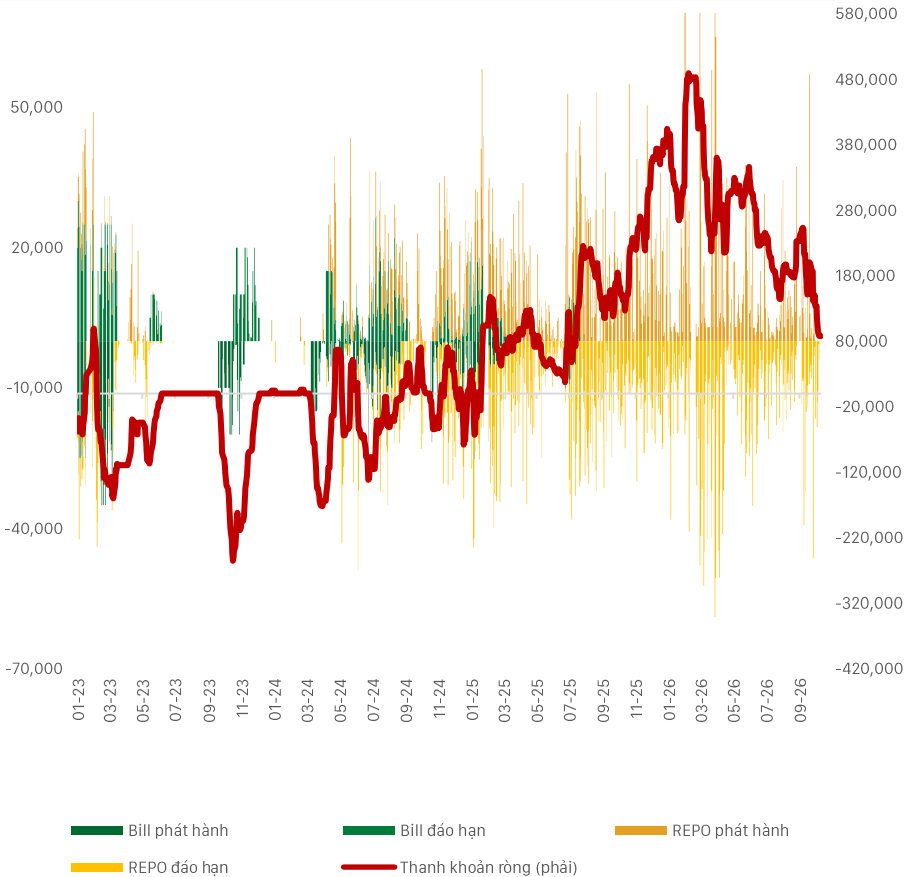
Dữ liệu đến đầu tháng 10 không còn củng cố nhận định huy động tăng nhanh hơn tín dụng; áp lực chi phí vốn cần được theo dõi sát hơn.

Triển vọng lãi suất và tỷ giá phụ thuộc cân đối nguồn vốn, diễn biến USD và cung ngoại tệ. OMO tiếp tục là công cụ điều tiết ngắn hạn, không phải tín hiệu nới lỏng cố định.

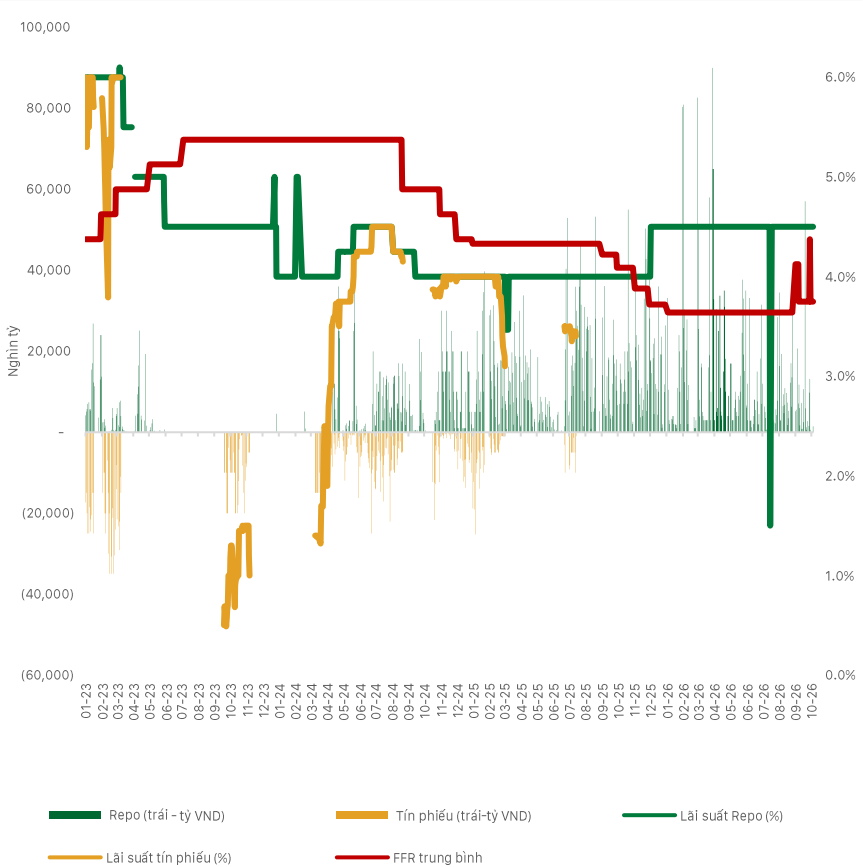
TÍN DỤNG TĂNG NHANH VÀ TỶ GIÁ CÒN RÀNG BUỘC (2/3)



lượng OMO còn lưu hành giảm nhưng vẫn hỗ trợ vốn



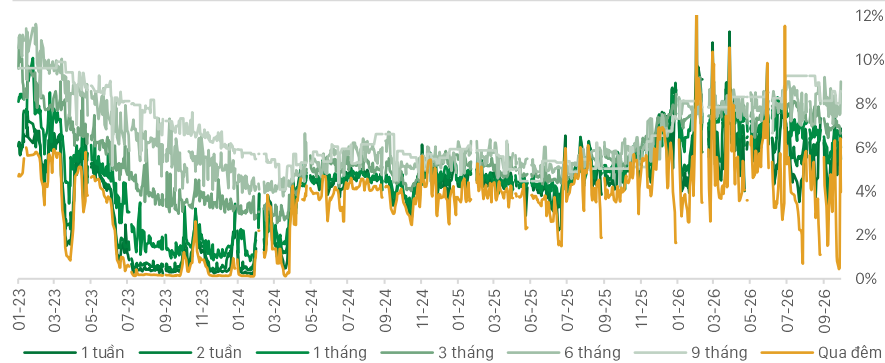
Repo trở thành công cụ chủ đạo để bù đắp thiếu hụt thanh khoản



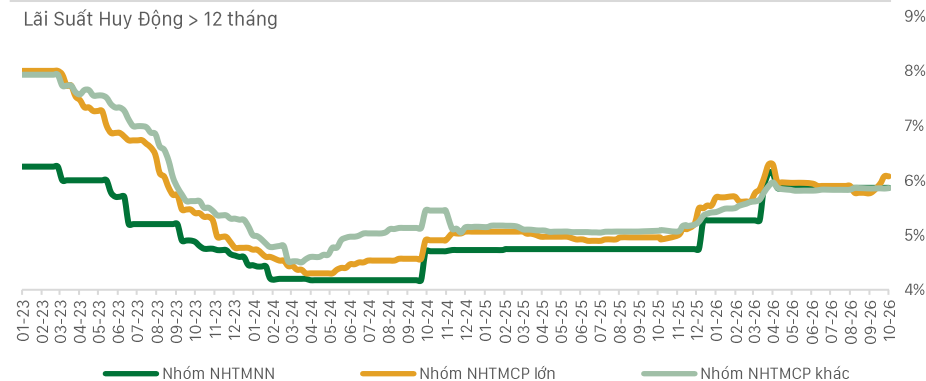
TÍN DỤNG TĂNG NHANH VÀ TỶ GIÁ CÒN RÀNG BUỘC (3/3)



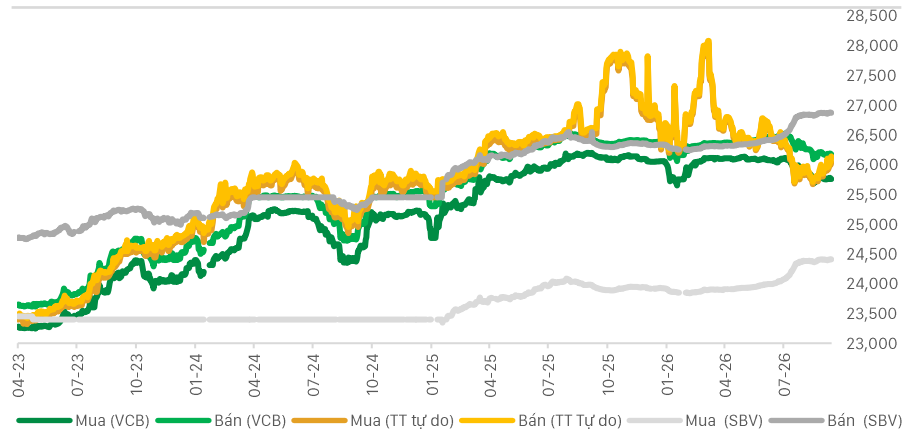
Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh cho thấy thanh khoản hệ thống vẫn chịu áp lực cơ cấu



Lãi suất huy động đang dần được hỗ trợ



USD/VND hạ nhiệt so với các nhịp căng thẳng trước. Đơn vị: VND/USD



DXY biến động về vùng dưới 100



XUẤT SIÊU THÁNG 9 CẢI THIỆN CÁN CÂN NHƯNG NHẬP SIÊU LŨY KẾ CÒN LỚN (1/3)



Xuất khẩu tháng 9 tăng 39,1% cùng kỳ; nhập khẩu đầu vào tiếp tục mở rộng nhanh

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

Xuất siêu tháng 9 nhưng nhập siêu lũy kế vẫn lớn

434,30 tỷ USD

Xuất khẩu 9T/2026

tăng 24,5%

453,72 tỷ USD

Nhập khẩu 9T/2026

tăng 36,7%

-19,42 tỷ USD

Cán cân 9 tháng

nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu

+1,27 tỷ USD

Cán cân tháng 9

xuất khẩu 59,48; nhập khẩu 58,21 tỷ

Nhập khẩu tập trung vào đầu vào sản xuất và đầu tư

- Tư liệu sản xuất chiếm 94,1% tổng nhập khẩu 9 tháng.
- Máy móc, thiết bị và phụ tùng chiếm 58,3% kim ngạch nhập khẩu.

TRIỂN VỌNG

Cán cân cải thiện nhưng đơn hàng còn rủi ro

Phân hóa theo khu vực kinh tế

+14,86 tỷ

FDI xuất siêu

-34,28 tỷ

trong nước nhập siêu

94,1%

nhập khẩu từ tư liệu sản xuất

Kịch bản cải thiện phụ thuộc sức bền xuất khẩu

Xuất khẩu tháng 9 tăng 8,5% so tháng trước, cao hơn nhập khẩu tăng 6,0%.

FDI chiếm 80,7% xuất khẩu 9 tháng, tiếp tục là trụ đỡ chính.

Đơn hàng xuất khẩu PMI giảm tháng thứ hai, tạo rủi ro cho nhịp tăng quý IV.

Rủi ro cần theo dõi

- Nhu cầu bên ngoài, chi phí vận tải và yêu cầu xuất xứ có thể ảnh hưởng đơn hàng; nhập siêu kéo dài làm tăng nhu cầu ngoại tệ.

HÀM Ý CHÍNH

Nhập khẩu phục vụ sản xuất

FDI vẫn là trụ đỡ

Tháng 9 xuất siêu

Đơn hàng cần theo dõi

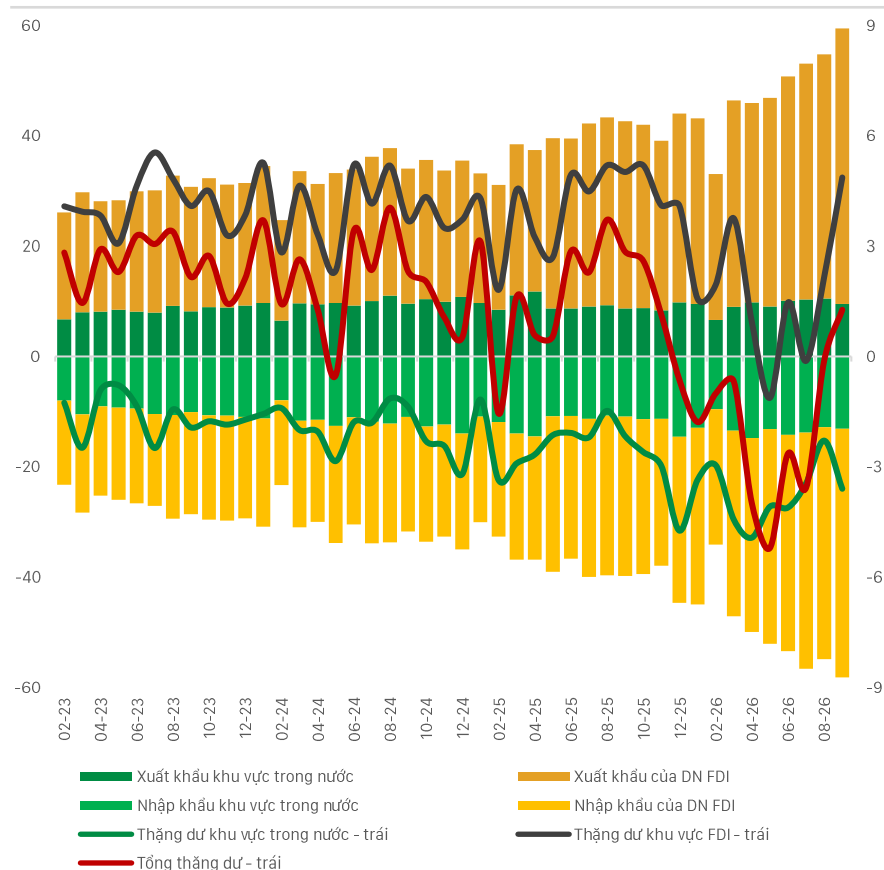
Thặng dư tháng 9 là tín hiệu tích cực, nhưng chưa đủ xác nhận nhập siêu cả năm sẽ được đảo ngược khi chênh lệch tăng xuất – nhập còn lớn.

Triển vọng phụ thuộc chuyển hóa máy móc, linh kiện thành năng lực sản xuất và xuất khẩu; FDI vẫn dẫn dắt nhưng đơn hàng mới cần được theo dõi.

XUẤT SIÊU THÁNG 9 CẢI THIẾN CÁN CÂN NHƯNG NHẬP SIÊU LŨY KẾ CÒN LỚN (2/3)

Xuất siêu tháng 9 nhưng nhập siêu lũy kế vẫn lớn

Đơn vị: tỷ USD

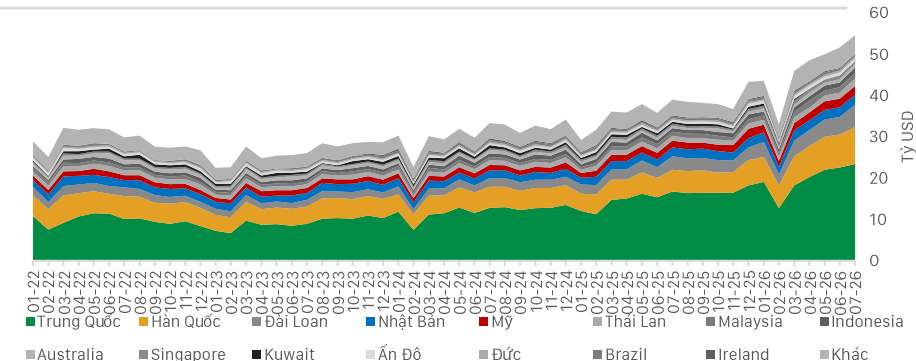


Cán cân thương mại lũy kế

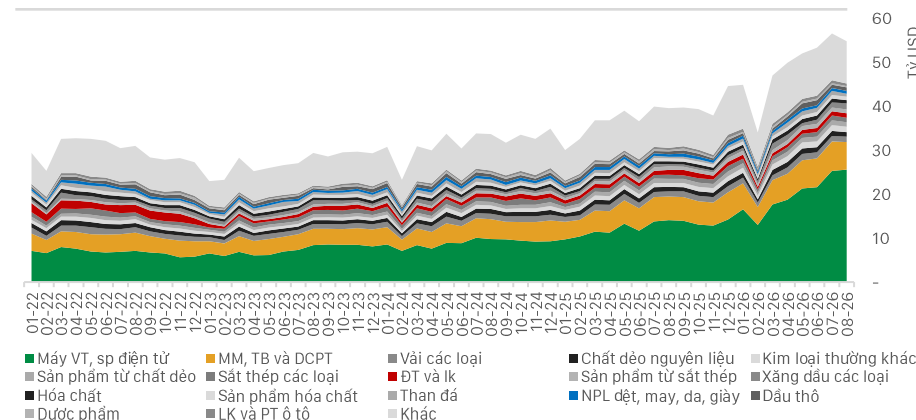
Đơn vị: tỷ USD



Nhập khẩu tập trung mạnh từ Trung Quốc và Hàn Quốc, phản ánh mức độ phụ thuộc lớn vào chuỗi cung ứng đầu vào khu vực



Nhập khẩu máy móc, điện tử và nguyên liệu tăng mạnh cho thấy doanh nghiệp đang mở rộng công suất sản xuất



IIP tháng 9 tăng 16,7% cùng kỳ; PMI giảm từ 53,3 xuống 51,9 và đơn hàng xuất khẩu tiếp tục giảm

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

KỊCH BẢN 2026

Sản lượng thực tăng nhanh, trong khi khảo sát cho thấy nhịp cải thiện chậm lại

PMI sản xuất tháng 9

51,9 điểm **15 tháng**

so với 53,3 tháng 8

liên tiếp trên ngưỡng 50

Vẫn mở rộng nhưng tốc độ cải thiện đã giảm.

Động lực đơn hàng

Đơn hàng mới

Đơn hàng XK

tăng chậm nhất 5 tháng

giảm tháng thứ hai

Sản lượng tăng chậm hơn; việc làm tiếp tục giảm tháng thứ hai.

IIP tháng 9

+16,7% **+3,3%**

so với cùng kỳ

so với tháng trước

IIP tháng 8 được điều chỉnh còn +13,5% cùng kỳ.

IIP 9 tháng & chế biến

+12,3% **+12,9%**

IIP 9 tháng

chế biến, chế tạo

IIP 9 tháng tăng cao nhất kể từ năm 2019.

Chi phí đầu vào tăng nhanh hơn do nhiên liệu và vận chuyển, trong khi tốc độ tăng giá bán chậm lại. Doanh nghiệp đối mặt áp lực biên lợi nhuận và tiếp tục thận trọng về tuyển dụng.

Tăng trưởng hai chữ số cần sức bền đơn hàng và công suất

Điều kiện PMI

Trên 50

Cần duy trì mở rộng trong quý IV; tránh ngoại suy mức 52–54 điểm từ tháng 8.

IIP cả năm

12–13%

Giả định quý IV giữ nhịp gần 9 tháng; đây là kịch bản phân tích.

Động lực và rủi ro quý IV

- FDI, đầu tư hạ tầng và công suất mới tiếp tục hỗ trợ sản lượng công nghiệp.
- Đơn hàng xuất khẩu giảm và chi phí tăng có thể làm chậm sản lượng, giảm biên lợi nhuận.

12,5–13,5

chế biến, chế tạo cả năm (%)

Giả định quý IV duy trì gần nhịp 9 tháng; phụ thuộc đơn hàng và khả năng chuyển giá.

HÀM Ý

PMI còn 51,9

IIP 9T tăng 12,3%

Chế biến - chế tạo dẫn dắt

Đơn hàng XK cần theo dõi

IIP và PMI đo hai khía cạnh khác nhau. IIP so cùng kỳ tăng mạnh trong khi PMI theo tháng hạ nhiệt cho thấy sản lượng còn cao nhưng động lực mới đang chậm lại.

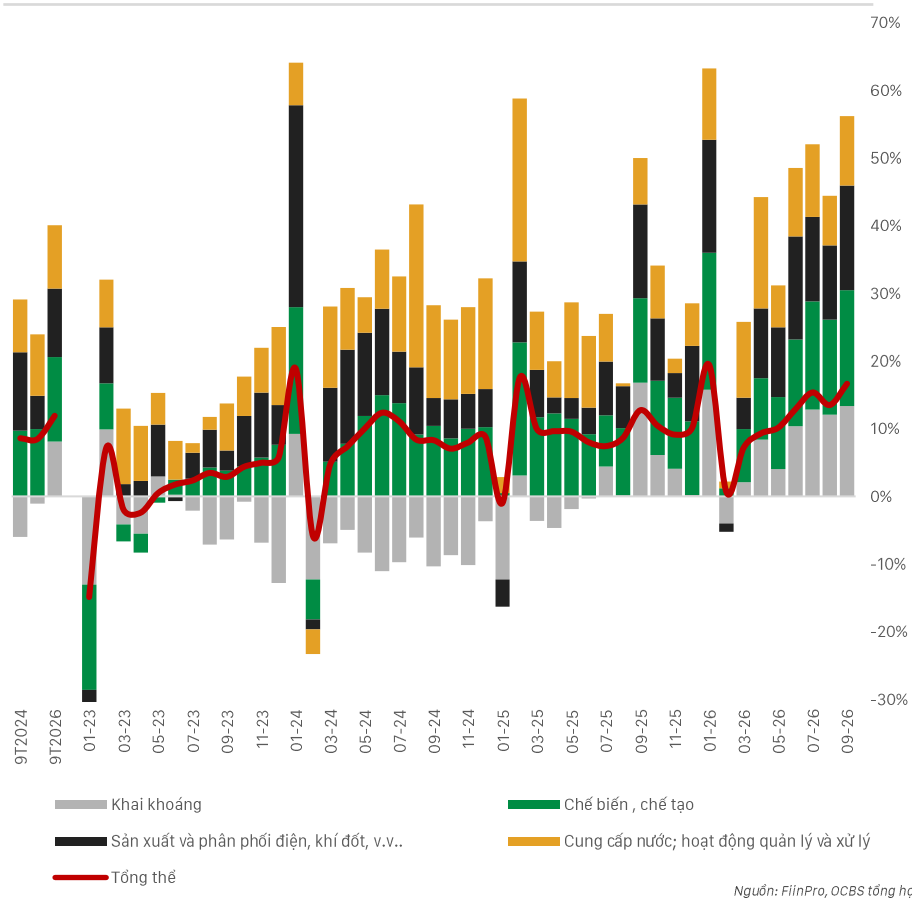
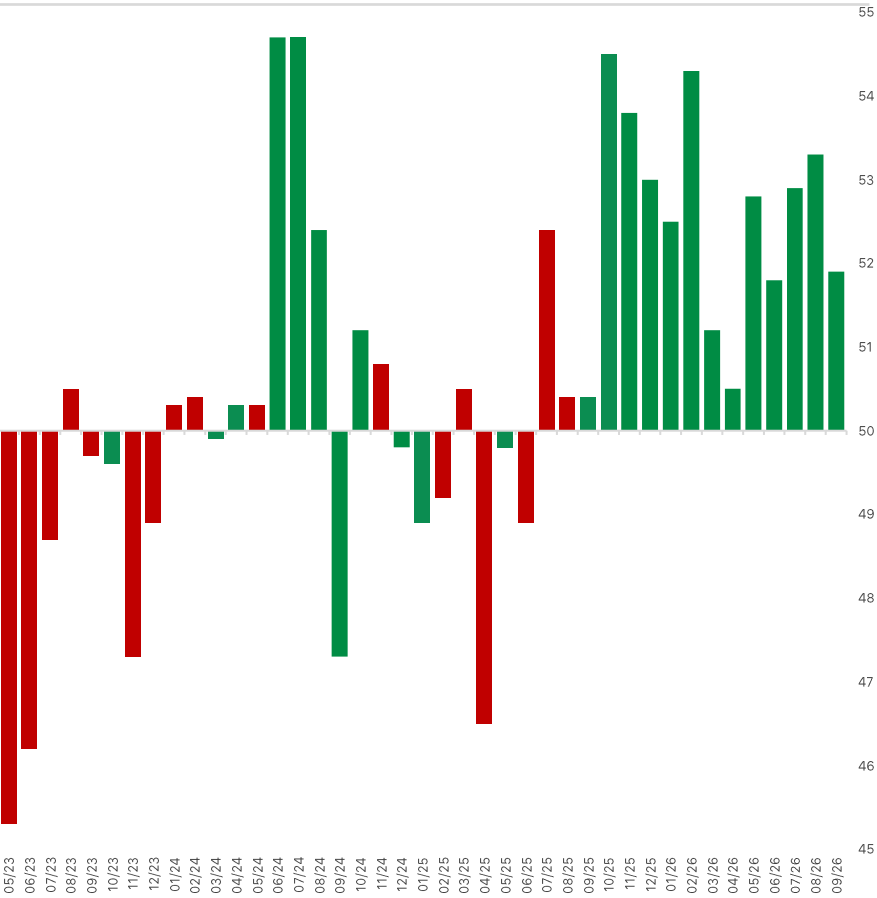
Triển vọng sản xuất vẫn tích cực nhờ đầu tư và công suất, song cần theo dõi đơn hàng xuất khẩu, việc làm và chênh lệch tăng giá đầu vào – đầu ra.

SẢN LƯỢNG CÔNG NGHIỆP TĂNG MẠNH NHƯNG PMI HẠ NHỊỆT (2/2)



PMI vẫn mở rộng nhưng tốc độ cải thiện đã giảm.

Sản lượng thực tăng nhanh, trong khi khảo sát cho thấy nhịp cải thiện chậm lại



TIÊU DÙNG THỰC GIỮ NHỊP VÀ DU LỊCH CẦN TĂNG TỐC QUÝ IV (1/2)



Bán lẻ thực 9 tháng tăng 7,8%; khách quốc tế đạt 17,7 triệu lượt nhưng tháng 9 giảm so tháng trước

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

Tiêu dùng thực và du lịch tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng

Khách quốc tế tháng 9

1,77 triệu
giảm 11,3% so tháng trước

+16,1%
so với cùng kỳ

Vẫn tăng so cùng kỳ nhưng giảm theo tháng.

Lũy kế 9 tháng

17,7 triệu
khách quốc tế

+14,5%
so với cùng kỳ

Đường hàng không chiếm 83,2% tổng lượng khách.

Bán lẻ & dịch vụ tháng 9

690,6
nghìn tỷ đồng

+14,1%
so với cùng kỳ

Tăng 1,7% so với tháng trước.

Lũy kế 9 tháng

5.925,7
nghìn tỷ đồng

+7,8%
tăng thực sau loại trừ giá

Danh nghĩa tăng 13,4%; sức mua thực cải thiện.

Tiêu dùng thực cải thiện; du lịch hỗ trợ lưu trú, ăn uống và vận tải. Tuy nhiên, tăng trưởng theo tháng còn biến động.

KỊCH BẢN 2026

Mùa cao điểm quyết định kịch bản 24–25 triệu khách

Khách quốc tế 2026

24–25 triệu

Cần 6,3–7,3 triệu lượt trong quý IV để đạt khoảng 24–25 triệu cả năm.

Bán lẻ & dịch vụ

13–14%

7–8%

Giả định quý IV gần nhịp 9 tháng; tăng danh nghĩa 13–14%, tăng thực 7–8%.

Động lực và ràng buộc chính

Mùa cao điểm du lịch quốc tế và mở rộng kết nối hàng không hỗ trợ quý IV.
Lưu trú, ăn uống 9 tháng tăng 16,7%; doanh thu lữ hành tăng 17,9%.
Giá cả và chi phí vốn cao có thể hạn chế sức mua các nhóm không thiết yếu.

2,43

triệu lượt khách bình quân mỗi tháng trong quý IV cần đạt để cán mốc 25 triệu lượt cả năm.

HÀM Ý CHÍNH

Du lịch cần tăng tốc

Tiêu dùng thực giữ nhịp

Dịch vụ tiếp tục dẫn dắt

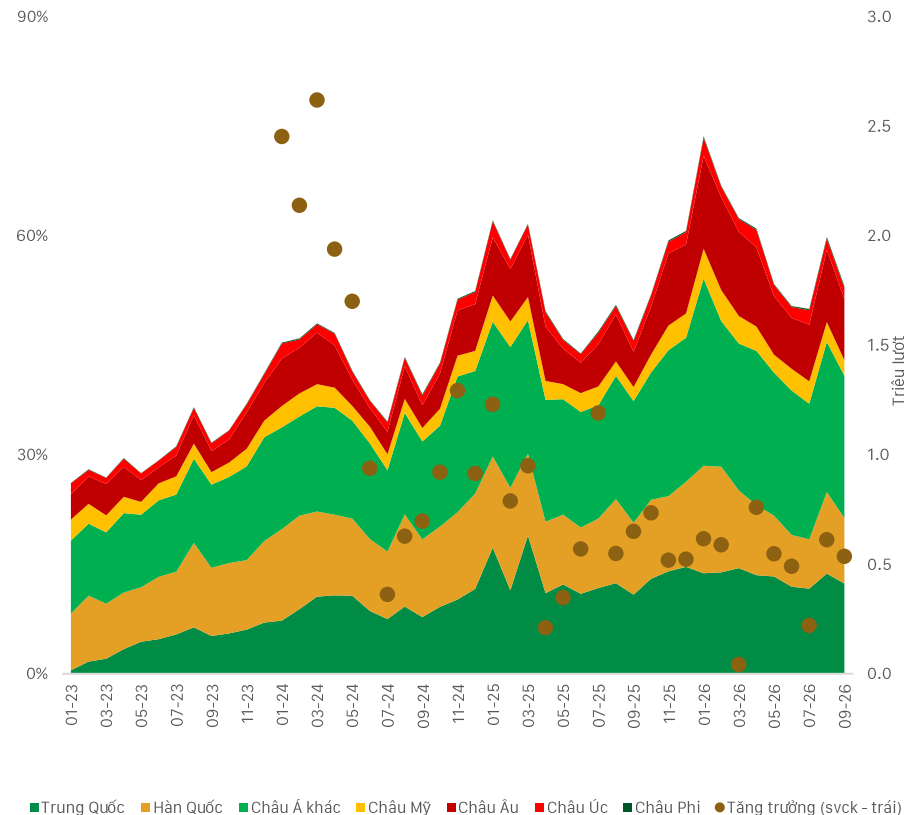
CPI là ràng buộc chính

Bán lẻ thực tăng 7,8% cho thấy cầu nội địa tiếp tục là trụ đỡ; du lịch đóng góp tích cực nhưng chưa đủ cơ sở ngoại suy đà tăng tháng 8.

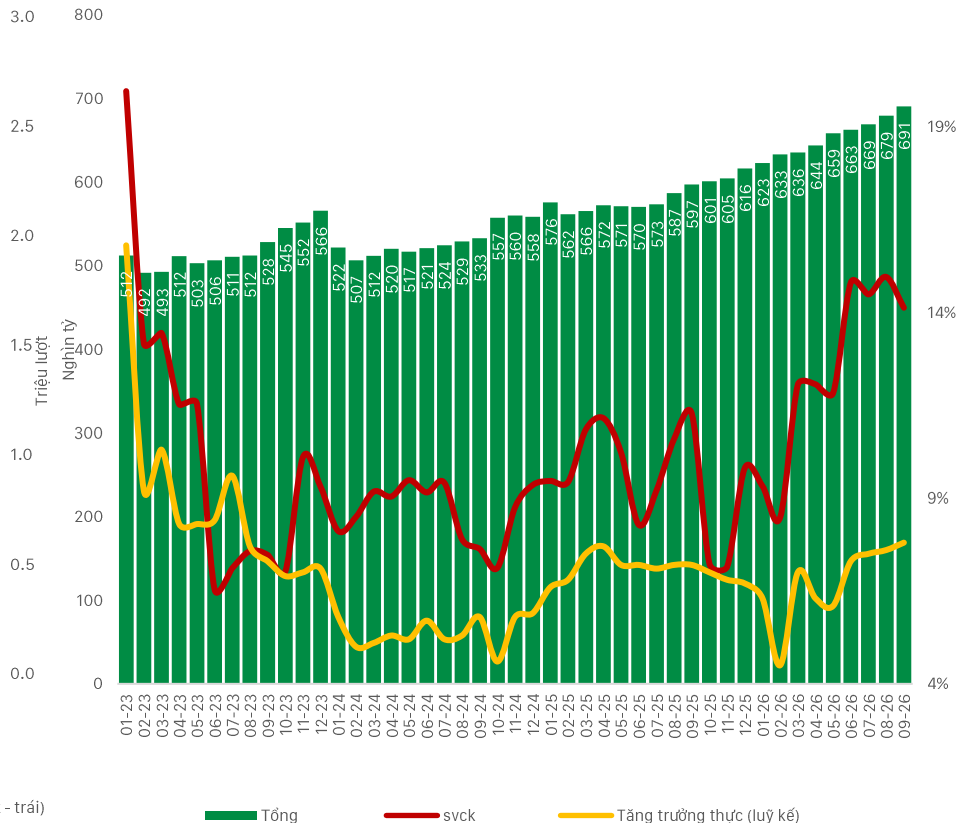
Kịch bản 24–25 triệu khách phụ thuộc quý IV đạt bình quân 2,10–2,43 triệu lượt mỗi tháng; tốc độ phục hồi sức mua cần được đánh giá sau khi loại trừ giá.

TIÊU DÙNG THỰC GIỮ NHỊP VÀ DU LỊCH CẦN TĂNG TỐC QUÝ IV (2/2)

Du lịch hỗ trợ lưu trú, ăn uống và vận tải. Tuy nhiên, tăng trưởng theo tháng còn biến động.



Tiêu dùng thực và du lịch tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng



ĐẦU TƯ TĂNG NHANH VÀ TIẾN ĐỘ VỐN NGÂN SÁCH LÀ TRỌNG TÂM QUÝ IV (1/2)



Vốn NSNN thực hiện đạt 59,9% kế hoạch; tổng đầu tư toàn xã hội 9 tháng tăng 15,1%

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

Đầu tư công tăng tốc, trong khi tư nhân và FDI tiếp tục tạo nền tảng trưởng rộng hơn

Vốn NSNN quý III

317,1
nghìn tỷ đồng

+22,8%
so với cùng kỳ

Tốc độ tăng theo quý so cùng kỳ; theo số liệu thống kê.

Lũy kế 9 tháng NSNN

661,8
nghìn tỷ đồng

59,9%
kế hoạch năm

Tăng 19,0% so cùng kỳ; vốn địa phương tăng 20,9%.

Vốn đầu tư toàn xã hội 9T

3.109,6
nghìn tỷ đồng

+15,1%
so với cùng kỳ

Quý III tăng 16,7%, cao hơn mức 9 tháng.

FDI 9 tháng

21,07
tỷ USD giải ngân

50,36
tỷ USD đăng ký

FDI thực hiện tăng 12,1%; vốn đăng ký tăng 76,4%.

Khu vực ngoài Nhà nước chiếm 53,0% tổng đầu tư và tăng 14,0%; khu vực Nhà nước tăng 17,3%, FDI tăng 14,5%. Đà mở rộng diễn ra ở cả ba khu vực.

KỊCH BẢN 2026

Kịch bản theo kế hoạch vốn trong hệ thống thống kê

Vốn NSNN thực hiện

994–1.050
nghìn tỷ đồng

Nếu đạt 90–95% kế hoạch thống kê; cần thêm 332–388 nghìn tỷ đồng quý IV.

Vốn đầu tư toàn xã hội

+15–16%

Giả định quý IV tiếp tục duy trì mức tăng gần 16,7% của quý III.

Điều kiện thực hiện và lưu ý so sánh

59,9% kế hoạch hàm ý còn khoảng 40,1% khối lượng năm theo hệ thống thống kê.

Mặt bằng, thủ tục và giá vật liệu quyết định khả năng tăng tốc quý IV. Vốn NSNN thực hiện theo Cục Thống kê khác khái niệm giải ngân kế hoạch của Bộ Tài chính.

53,0%

là tỷ trọng đầu tư ngoài Nhà nước trong 9 tháng. Khu vực này giữ vai trò lớn nhất; chất lượng hạ tầng và khả năng tiếp cận vốn hỗ trợ mức độ lan tỏa.

HÀM Ý CHÍNH

Đầu tư công tăng tốc

FDI tiếp tục là điểm tựa

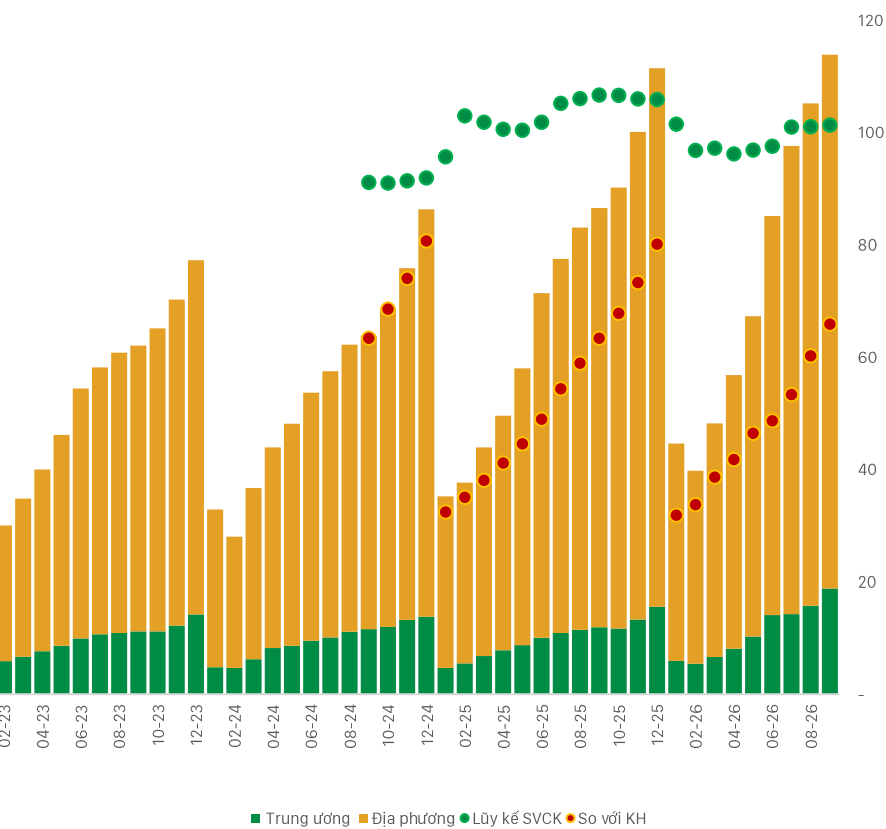
Tư nhân giữ vai trò chủ lực

Đầu tư là trụ cột bù đắp rủi ro bên ngoài

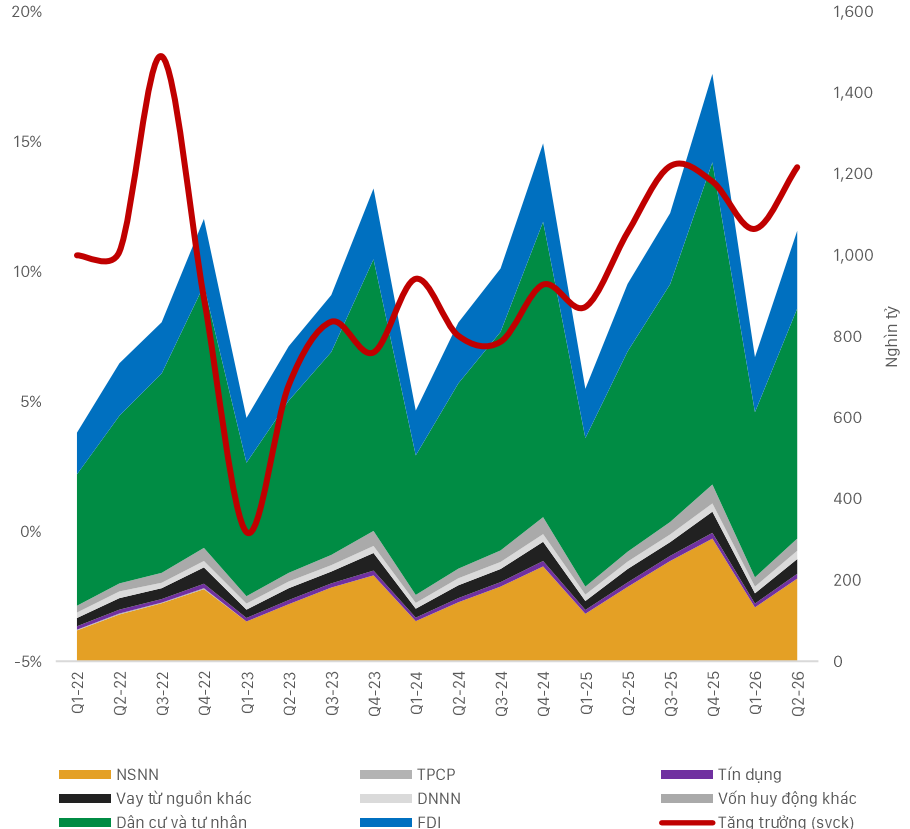
Đầu tư là động lực lớn của tăng trưởng 9 tháng; vốn Nhà nước tăng nhanh trong khi khu vực tư nhân vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất.

Quý IV cần tập trung tiến độ và hiệu quả dự án. Khi đánh giá tỷ lệ hoàn thành, phải dùng nhất quán cùng phạm vi vốn và cùng mẫu số kế hoạch.

Đầu tư công tăng tốc



Vốn đầu tư mở rộng đồng đều giữa Nhà nước, tư nhân và FDI, tạo nền tảng cho chu kỳ tăng trưởng mới



FDI TĂNG MẠNH NHƯNG HIỆU QUẢ PHỤ THUỘC TỐC ĐỘ TRIỂN KHAI (1/2)



Vốn đăng ký 9 tháng đạt 50,36 tỷ USD; giải ngân 21,07 tỷ USD, tập trung vào chế biến và chế tạo

DỮ LIỆU HIỆN TẠI

KỊCH BẢN 2026

FDI cải thiện đồng thời cả quy mô đăng ký và vốn thực hiện, với điểm nhấn là sản xuất

Tổng vốn FDI đăng ký 9T
50,36
tỷ USD **+76,4%**
so với cùng kỳ

Vốn cấp mới tăng khoảng 2,4 lần so cùng kỳ.

Cơ cấu vốn đăng ký
29,24 **14,15**
tỷ USD cấp mới tỷ USD điều chỉnh

Góp vốn, mua cổ phần đạt 6,97 tỷ USD; tăng 44,0% so cùng kỳ.

Vốn FDI thực hiện 9T
21,07
tỷ USD **+12,1%**
so với cùng kỳ

Mức cao nhất của 9 tháng trong 5 năm qua; sản xuất vẫn là trọng tâm.

Tập trung vào sản xuất
45,8% **82,6%**
tỷ trọng vốn cấp mới tỷ trọng FDI thực hiện

Tỷ trọng chế biến, chế tạo; hai chỉ tiêu sử dụng mẫu số khác nhau.

Vốn đăng ký tạo nguồn dự án cho trung hạn; vốn giải ngân phản ánh tiến độ thực hiện. Mua cổ phần và điều chỉnh vốn không đồng nhất với công suất mới ngay trong kỳ.

Kịch bản đăng ký 60–65 tỷ USD, giải ngân 29–31 tỷ USD

FDI đăng ký 2026
60–65
tỷ USD

Giả định quý IV có thêm 9,6–14,6 tỷ USD vốn đăng ký; phụ thuộc dự án lớn.

FDI thực hiện 2026
29–31
tỷ USD

Cần giải ngân thêm 7,9–9,9 tỷ USD trong quý IV để đạt khoảng dự kiến.

Động lực và rủi ro quý IV

Nguồn dự án đã đăng ký và năng lực sản xuất mới hỗ trợ giải ngân.
Hạ tầng, điện, nhân lực và thủ tục quyết định tiến độ thực hiện.
Chính sách thương mại và yêu cầu xuất xứ ảnh hưởng dự án hướng xuất khẩu.

Triển khai Trọng tâm đánh giá là vốn thực hiện, tiến độ vận hành và liên kết với doanh nghiệp nội địa; tránh dùng quy mô đăng ký thay cho năng lực sản xuất đã hình thành.

HÀM Ý CHÍNH

Đăng ký tăng 76,4%

Sản xuất vẫn là trọng tâm

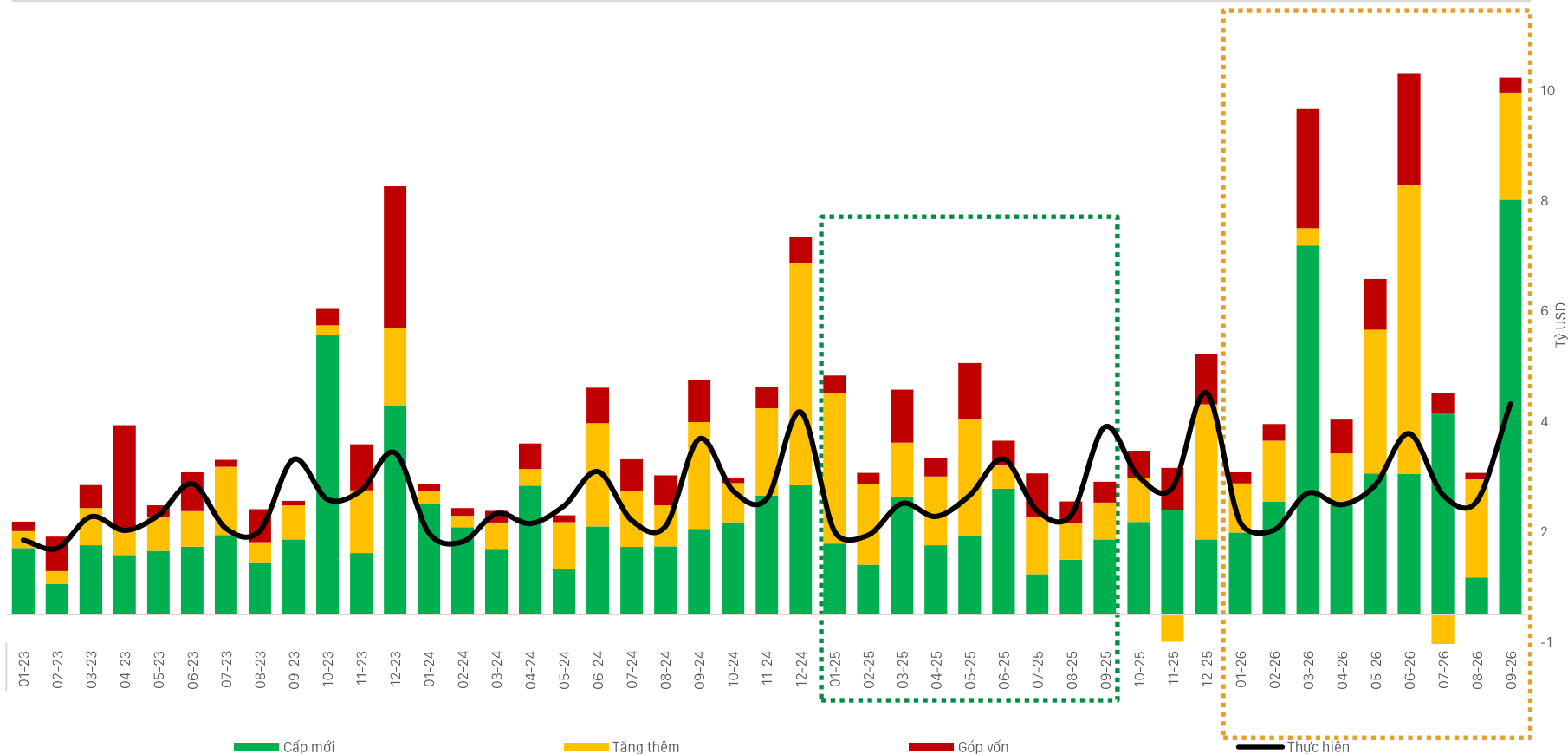
Giải ngân cao nhất 5 năm

Rủi ro thương mại cần theo dõi

FDI cải thiện ở cả cam kết và thực hiện, tạo nền tảng cho tăng trưởng sản xuất; phần lớn vốn giải ngân tiếp tục vào chế biến, chế tạo.
Các khoảng 60–65 tỷ USD đăng ký và 29–31 tỷ USD giải ngân là kịch bản phân tích. Rủi ro chính nằm ở tiến độ dự án, khả năng hấp thụ và điều kiện thương mại.

FDI TĂNG MẠNH NHƯNG HIỆU QUẢ PHỤ THUỘC TỐC ĐỘ TRIỂN KHAI (2/2)

FDI cải thiện đồng thời cả quy mô đăng ký và vốn thực hiện, với điểm nhấn là sản xuất



Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Tuy nhiên, OCBS không bảo đảm tính chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tuyệt đối của các thông tin do bên thứ ba cung cấp.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn



**TRÂN TRỌNG
CẢM ƠN**